

Số: 195/BC-STNMT

Kon Tum, ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO

Công khai tài chính 2017 của Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường (Thuộc chương: 426)

Căn cứ Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính, về việc Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Kon Tum, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-STNMT ngày 20/01/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Sở Tài nguyên và Môi trường Báo cáo công khai Tài chính 2017 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Nguồn thu phí, lệ phí năm 2017 của Văn phòng Sở;

1. Nguồn phí và lệ phí được trích lại chưa sử dụng năm 2016, chuyển sang năm 2017 là : 308.746.414 đồng.

+ Tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị: 230.872.232 đồng.

+ TK tiền gửi tại KBNN tỉnh Kon Tum (Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp): 256.100.182 đồng – Trong đó:

- Số TK tiền gửi tại KBNN tỉnh Kon Tum (Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp): 77.874.182 đồng.

- Số dư tạm ứng cho Hội đồng giải thể giải quyết tiền lương và các chế độ cho các bộ Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường với số tiền : 178.226.000 đồng.

2. Tổng số thu phí năm 2017 là: 1,216,064,500 đồng.

2.1. KBNN tỉnh Kon Tum qua tài khoản trung gian (Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp): 618.324.500 đồng.

2.2. Thu bằng tiền mặt tại đơn vị: 597.740.000 đồng

+ Phí TĐ hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ: 82.800.000 đồng

+ Phí Thẩm định đề án tài nguyên nước: 31.600.000 đồng

+ Lệ phí khai thác khoáng sản: 205.500.000 đồng

+ Phí thẩm định ĐTM: 122.800.000 đồng

+ Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản: 110.000.000 đồng

+ Phí đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 36.000.000 đồng.

+ Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: 5.540.000 đồng.

- + Bán hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 3.500.000 đồng.
- 3. Số thu năm 2017 nộp NSNN là: 753.500.200 đồng
 - KBNN Kon Tum trích nộp từ tài khoản trung gian (Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp) : 482.160.200 đồng
 - Số thu bằng tiền mặt tại đơn vị nộp NSNN: 271.340.000 đồng
- 4. Phí và lệ phí năm 2017 được trích lại theo chế độ, bổ sung nguồn chi hoạt động là : 462.564.300 đồng
 - 4.1. KBNN tỉnh Kon Tum trích từ tài khoản trung gian sang TK Tiền gửi của đơn vị: 136.164.300 đồng
 - 4.2 Trích từ số thu bằng tiền mặt tại đơn vị: 326.400.000 đồng
 - + Phí TĐ hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ: 41.400.000 đồng
 - + Phí Thẩm định đề án tài nguyên nước: 23.700.000 đồng.
 - + Lệ phí khai thác khoáng sản: 0 đồng
 - + Phí thẩm định ĐTM: 122.800.000 đồng
 - + Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản: 99.000.000 đồng
 - + Phí đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 36.000.000 đồng
 - + Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: 0 đồng
 - + Bán hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 3.500.000 đồng
- 5. Tổng nguồn phí, lệ phí được sử dụng năm 2017 là: 771.310.714 đồng

Trong đó:

 - Nguồn kinh phí và lệ phí được để lại theo chế độ, bổ sung nguồn chi hoạt động chưa sử dụng năm 2016 chuyển sang: 308.746.414 đồng
 - Phí và lệ phí năm 2017 được trích lại theo chế độ, bổ sung nguồn chi hoạt động: 462.564.300 đồng
- 6. Kinh phí đã sử dụng năm 2017 từ nguồn phí, lệ phí được trích lại, đề nghị quyết toán là: 505.046.234 đồng
 - Thanh toán tiền công lao động hợp đồng (mục 6050): 129.792.630 đồng
 - Thanh toán tiền phụ cấp lương (mục 6100): 16.950.000 đồng
 - Thanh toán tiền tàu xe nghỉ phép năm (mục 6250): 7.658.000 đồng.
 - Thanh toán các khoản đóng góp (mục 6300): 77.342.611 đồng.
 - Thanh toán dịch vụ công cộng (mục 6500): 25.004.693 đồng
 - Thanh toán tiền vật tư văn phòng phẩm (mục 6550): 38.128.000 đồng
 - Thanh toán chi phí thông tin liên lạc (mục 6600): 6.542.300 đồng
 - Thanh toán công tác phí (mục 6700): 58.049.000 đồng
 - Thanh toán chi phí sửa chữa TSCĐ (mục 6900): 1.150.000 đồng
 - Thanh toán chi phí khác (mục 7750): 144.429.000 đồng.
- 7. Nguồn phí và lệ phí được trích lại chưa sử dụng năm 2017, chuyển sang năm 2018 là : 444.490.480 đồng
 - + Tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị: 213.791.964 đồng.
 - + TK tiền gửi tại KBNN tỉnh Kon Tum (Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp): 230.698.516 đồng – Trong đó:

- Số TK tiền gửi tại KBNN tỉnh Kon Tum (Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp): 36.472.516 đồng.

- Số dư tạm ứng cho Hội đồng giải thể giải quyết tiền lương và các chế độ cho các bộ Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường với số tiền : 194.226.000 đồng.

* **Các khoản thu chi khác:** Tiền gửi Ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:

- Số dư cuối năm 2016 chuyển sang: 11.157.599.101 đồng

- Số thu ký quỹ trong năm 2017: 1.754.630.790 đồng.

- Số dư cuối kỳ năm 2017: 12.912.229.891 đồng.

II. Nguồn kinh phí chi hoạt động bộ máy (loại 460, khoản 466)

1- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ:

1.1. Dự toán được cấp trong năm (kể cả bsung): 1.070.000.000 đồng

1.2. Dự toán đã sử dụng đến ngày 31/01/2018: 911.609.960 đồng - Trong đó:

- Thanh toán NQ 04: 18.996.000 đồng.

- Th.toán các khoản chi phí từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực TN&MT được trích lại: 349.965.631 đồng.

- Th.toán sửa chữa trụ sở: 199.894.329 đồng.

- Th.toán sửa chữa 2 Chi cục: 152.754.000 đồng.

- Th.toán sửa chữa xe 82B-0522: 190.000.000 đồng.

1.3. Dự toán kinh phí chi hoạt động bộ máy (không thực hiện tự chủ) năm 2017 còn tồn tại KBNN đến hết ngày 31/01/2018: 158.390.040 đồng.

(1.070.000.000 đồng — 911.609.960 đồng = 158.390.040 đồng).

Trong đó:

- Nguồn NQ 04: 4.000 đồng.

- Nguồn xử phạt VPHC: 153.034.369 đồng.

- Nguồn SC trụ sở: 105.671 đồng.

- Nguồn SC 2 Chi cục: 5.246.000 đồng.

2. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ :

2.1. Dự toán được sử dụng trong năm 2017: 4.240.336.347 đồng; bao gồm:

+ Dự toán năm 2016 chuyển sang : 536.347 đồng

+ Dự toán được cấp trong năm (kể cả bổ sung): 4.239.800.000 đồng

2.2. Dự toán đã sử dụng trong năm 31/01/2018 : 4.240.336.347 đồng

Trong đó:

+ T.toán tiền lương (mục 6000): 1.841.502.587 đồng

+ T.toán tiền công lao động hợp đồng (mục 6050): 434.970.182 đồng

+ T.toán các khoản phụ cấp (mục 6100): 800.734.711 đồng

+ T.toán tiền thưởng (mục 6200): 43.318.000 đồng

+ T.toán tiền tàu xe phép, phúc lợi tập thể (mục 6250): 90.200.000 đồng

+ T.toán BHXH, YT, TN và KPCĐ (mục 6300): 521.053.870 đồng

+ T.toán các khoản cho cá nhân (mục 6400): 159.000.000 đồng

+ T.toán dịch vụ công cộng (mục 6500): 98.465.245 đồng

+ T.toán tiền vật tư VPP (mục 6550):	46.610.000 đồng
+ T.toán chi phí thông tin liên lạc (mục 6600):	27.755.112 đồng
+ T.toán công tác phí (mục 6700):	80.025.000 đồng
+ T.toán chi phí sửa chữa TSCĐ (mục 6900):	19.640.000 đồng
+ T.toán chi phí khác (mục 7750):	77.061.640 đồng

2.3. Dự toán kinh phí chi hoạt động bộ máy chưa sử dụng đến hết ngày 31/01/2018 (kinh phí tự chủ): 0 đồng.

III. Nguồn kinh phí sự nghiệp địa chính (loại 430, khoản 432) kinh phí tạm ứng trước NSNN:

- 1- Dự toán được sử dụng trong năm 2017: 12.471.000.000 đồng
- 2- Dự toán đã sử dụng trong năm 2017: 12.303.710.000 đồng; trong đó:
 - + Số đã chi đề nghị quyết toán trong năm 2017 là: 12.303.710.000 đồng; cho khoản chi Th.toán chi phí thi công đo đạc lập bản đồ địa chính, cắm mốc ranh giới sử dụng đất và cấp giấy CNQSD đất của các công ty Lâm nghiệp tỉnh.

IV. Nguồn kinh phí sự nghiệp địa chính (loại 430, khoản 432):

- 1- Dự toán được sử dụng trong năm 2017: 33.001.800.150 đồng - Trong đó:
 - Dự toán được giao trong năm: 23.991.994.150 đồng
 - Số dư tạm ứng năm 2016 được phép chuyển sang: 9.009.806.000 đồng
- 2- Dự toán đã sử dụng trong năm 2017: 30.193.466.497 đồng (kể cả số dư tạm ứng năm 2016 được phép chuyển sang) - Trong đó:

a. Số đã chi đề nghị quyết toán trong năm 2017 là: 27.651.660.497 đồng; bao gồm các khoản chi sau đây:

a.1. Th.toán chi phí thi công đo đạc lập bản đồ địa chính, cắm mốc ranh giới sử dụng đất và cấp giấy CNQSD đất của các công ty Lâm nghiệp tỉnh: 8.491.000.000 đồng; trong đó:

- Huyện Đăk Glei (trừ xã Đăk Long): 2.938.990.560 đồng
- Huyện Kon Plong: 2.736.233.736 đồng
- Huyện Đăk Tô: 900.000.000 đồng
- Huyện Ngọc Hồi: 400.000.000 đồng
- Huyện Kon Rẫy: 500.000.000 đồng
- Huyện Đăk Hà: 648.239.242 đồng
- Huyện Sa Thầy: 367.536.462 đồng

a.2. Th.toán chi phí thi công thành lập lưới tọa độ địa chính, bản đồ địa chính và đăng ký cấp Giấy chứng nhận QSD đất tại các xã, phường thuộc thành phố Kon Tum: 6.294.500.000 đồng; trong đó:

- Phường Thắng Lợi & Quyết Thắng: 1.344.500.000 đồng
- Phường Trần Hưng Đạo & Nguyễn Trãi : 100.000.000 đồng
- Phường Lê Lợi & Quang Trung: 300.000.000 đồng
- 06 phường thuộc tp Kon Tum: 100.000.000 đồng
- Xây dựng cơ sở dữ liệu tp Kon Tum: 4.200.000.000 đồng
- Tư vấn kiểm tra nghiệm thu sản phẩm: 250.000.000 đồng

a.3. Th.toán chi phí thi công thành lập lưới tọa độ địa chính, bản đồ địa chính và đăng ký cấp Giấy chứng nhận QSD đất tại các xã thuộc huyện Sa Thầy: 1.291.756.000 đồng; *trong đó:*

- Thanh toán thi công tại xã Ya Tăng: 591.756.000 đồng

- Thanh toán chi phí giám sát, kiểm tra nghiệm thu: 700.000.000 đồng

a.4. Th.toán chi phí thi công thành lập bản đồ địa chính và cấp giấy CNQSD đất tại huyện Kon Rẫy: 800.000.000 đồng;

a.5. Th.toán chi phí thi công thành lập bản đồ địa chính và cấp giấy CNQSD đất tại thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô: 1.398.289.000 đồng;

a.6. Th.toán chi phí thi công thành lập bản đồ địa chính và cấp giấy CNQSD đất tại xã Đăk Psi, huyện Đăk Hà: 300.000.000 đồng;

a.7. Th.toán chi phí thi công thành lập lưới tọa độ địa chính, bản đồ địa chính và đăng ký cấp Giấy chứng nhận QSD đất tại các xã thuộc huyện Đăk Glei: 3.000.000.000 đồng;

- Chi phí thi công tại các xã Đăk Pét, Đăk Long, Đăk Môn: 2.000.000.000 đồng

- Chi phí giám sát, kiểm tra nghiệm thu: 1.000.000.000 đồng

a.8. Thanh toán chi phí Khảo sát, lập TK-KT dự toán đo đạc lập bản đồ địa chính và đăng ký cấp GCN QSD đất trên địa bàn tỉnh Kon tum (Dự án tổng thể của 5 huyện): 1.669.967.765 đồng; *trong đó:*

- Xã Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi: 188.720.485 đồng

- Huyện Ia H'Drai: 252.837.079 đồng

- Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy: 381.525.055 đồng

- Huyện Kon Plong: 418.653.365 đồng

- Huyện Tu Mơ Rông: 428.231.781 đồng

a.9. Th.toán chi phí tư vấn xác định giá định giá đất cụ thể, theo Thông tư 36 của Bộ TN&MT: 1.234.008.000 đồng; *trong đó:*

- Công ty Thủy điện Đúc Nhân Đăk Psi: 122.990.000 đồng

- Công ty CP Sâm Ngọc Linh Kon Tum: 105.445.000 đồng

- Công ty CP đầu tư và phát triển thủy điện Sê San 3A: 147.710.000 đồng

- Công ty CP MDen thực hiện dự án kinh doanh vườn hoa cây cảnh và du lịch sinh thái: 126.322.000 đồng

- Công trình thủy điện Đăk Re huyện Kon Plong: 155.422.000 đồng

- Dự án trồng cây công lâm nghiệp kết hợp với sản xuất giống bò lai Zebu: 161.512.000 đồng

- Dự án trồng cây cao su tại xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai: 105.445.000 đồng

- Dự án trồng cây cao su tại xã Ia Đom, huyện Ia H'Drai và xã Mô Rai huyện Sa Thầy: 105.445.000 đồng

- Dự án trồng cây cao su tại xã Ia Dai, huyện Ia H'Drai: 105.445.000 đồng

- Dự án trồng cây cao su trên đất lâm nghiệp tại xã Ia Đom, huyện Ia H'Drai: 98.272.000 đồng

a.10. Thanh toán chi phí Điều tra thoái hóa đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum : 2.574.516.252 đồng; *trong đó:*

- Thanh toán chi phí lập đề cương: 95.080.252 đồng

- Thanh toán chi phí thực hiện dự án: 2.393.000.000 đồng
- Thanh toán chi phí giám sát, nghiệm thu: 86.436.000 đồng

a.11. Thanh toán chi phí Thiết bị, tiền cước kết nối đường truyền số liệu cho Văn phòng Đăng ký đất đai và các huyện trên địa bàn tỉnh Kon Tum: 277.884.480 đồng;

a.12. Thanh toán chi phí làm áp phích tuyên truyền Ngày nước thế giới, ngày khí tượng thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam: 99.778.000 đồng.

a.13. Thanh toán các chi phí phục vụ cho công tác chuyên môn, thanh tra kiểm tra, tiền công tác phí, xăng xe, văn phòng phẩm...số tiền là: 219.961.000 đồng.

b. Số chi tạm ứng xin chuyển sang năm 2018 quyết toán là: 2.541.806.000 đồng; bao gồm các khoản chi sau đây:

b.1. Chi tạm ứng công tác thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) trên địa bàn tỉnh Kon Tum: 993.806.000 đồng;

** Lý do chưa quyết toán trong năm 2017:*

Thực hiện Đề cương và dự toán kinh phí điều chỉnh quy hoạch kế hoạch sử dụng đất và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) theo quyết định phê duyệt số 193/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của UBND tỉnh Kon Tum, trong đó:

+ Tổng dự toán kinh phí là: 2.640.818.000 đồng.

+ Nguồn kinh phí để thực hiện: Ngân sách tỉnh (sự nghiệp kinh tế và nguồn thu 10% tiền sử dụng đất).

+ Thời gian thực hiện: Năm 2016

Đến hết năm tài chính 2016, việc thực hiện triển khai nhiệm vụ cơ bản đã hoàn thành và đang chờ kết quả phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Dự kiến đến năm 2018 sẽ hoàn thành hồ sơ nghiệm thu và thanh toán chi phí thực hiện cho đơn vị.

b.2. Chi tạm ứng công tác thực hiện Quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2035: 1.548.000.000 đồng;

** Lý do chưa quyết toán trong năm 2017:*

Thực hiện Đề cương và dự toán kinh phí Quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 theo quyết định phê duyệt số 654/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh Kon Tum, trong đó:

+ Tổng dự toán kinh phí là: 6.000.000.000 đồng.

+ Nguồn kinh phí để thực hiện: Ngân sách tỉnh bảo đảm.

+ Thời gian thực hiện: Năm 2017-2018

3- Dự toán kinh phí sự nghiệp địa chính năm 2017 chưa sử dụng xin chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là:

$$(33.001.800.150 \text{ đồng} - 30.193.466.497 \text{ đồng}) = 2.808.341.653 \text{ đồng.}$$

V. Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường (loại 280, khoản 309):

1- Dự toán được sử dụng trong năm: 1.916.000.000 đồng - Trong đó:

- Dự toán được giao trong năm: 1.916.000.000 đồng

- Số dư tạm ứng năm 2016 được phép chuyển sang: 0 đồng

2- Dự toán đã sử dụng trong năm: 612.000.000 đồng - Trong đó:

a- Số đã chi đề nghị quyết toán trong năm 2016 là: 612.000.000 đồng; bao gồm các khoản chi sau đây:

a.1. Th.toán kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác Xây dựng hệ thống tiếp nhận, quản lý kết quả quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh: 603.000.000 đồng;

a.2. Th.toán chi phí nghiệm thu giám sát: 9.000.000 đồng

3- Dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2016 chưa sử dụng xin chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là:

(1.916.000.000 đồng – 612.000.000 đồng) = 1.304.000.000 đồng.

Trên đây là Báo cáo Công khai tài chính năm 2017 của Văn phòng Sở tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy Sở (B/c);
- Lãnh đạo Sở (B/c);
- Công đoàn Sở (B/c);
- Công khai trên Cổng TT điện tử;
- Lưu VT & KH-TC *Đức Hạnh*

GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Hạnh